

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2019
“*V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Hiểu**

2. Ông **Lại Thiện Phong**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 147/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Võ Thanh T** – sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp T, xã N1, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị **Lê Thị Ngọc C** – sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh T và chị C vắng mặt tại phiên tòa. Riêng anh T có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 06 năm 2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Võ Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2011 anh với chị Lê Thị Ngọc C có tổ chức cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép nhưng đến nay vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn rồi dẫn đến cự cãi do bất đồng quan điểm cuộc sống không còn

hạnh phúc và cả hai đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Do đó anh T yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc C.

- Về quan hệ con chung: anh và C có chung với nhau 01 người con trai tên là Võ Thanh T1, sinh ngày 22/4/2012, hiện sống với chị C. Anh T đồng ý tiếp tục giao cháu T1 cho chị C nuôi con, anh không phải cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lê Thị Ngọc C: Tòa án có tiến hành giao thông báo thụ lý và tiến hành lấy lời khai đối với chị C nhưng chị C không có mặt ở địa phương nên không thể tiến hành giao thông báo thụ lý và không thể tiến hành lấy lời khai đối với chị C. Bên cạnh đó, Tòa án có tiến hành niêm yết các thủ tục theo qui định pháp luật do chị C không có mặt ở địa phương. Chính quyền địa phương xác định, chị Lê Thị Ngọc C vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và hiện tại không có ở địa phương nhưng lâu lâu chị C có về địa phương một lần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Võ Thanh T và chị Lê Thị Ngọc C là vợ chồng.

+ Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Võ Thanh T1, sinh ngày 22/4/2012 cho chị C trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Buộc anh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung mà bị đơn chị Lê Thị Ngọc C cư trú tại ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc chị Lê Thị Ngọc C vắng mặt lần thứ hai không có lý do được quy định theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Về Nội dung:

[1] - Về quan hệ hôn nhân: anh T xác định anh và chị C có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc từ năm 2011 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị C mặc dù không ghi nhận được ý kiến của chị C nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Do đó căn cứ vào Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận anh Võ Thanh T và chị Lê Thị Ngọc C là vợ chồng.

[2] - Về con chung: Anh T xác định, quá trình chung sống anh và chị C có chung 01 đứa con, tên cháu là Võ Thanh T1, sinh ngày 22/4/2012 hiện chị C đang nuôi. Anh T đồng ý giao cháu T1 cho chị C nuôi dưỡng. Xét thấy kể từ thời điểm anh T và chị C ly thân với nhau vào năm 2013 đến nay chị C là người nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu T1, hiện tại chị C và cháu T1 không có mặt tại địa phương nên không ghi nhận được nguyện vọng của cháu nhưng anh T đồng ý giao cháu T1 cho chị C nuôi dưỡng do đó cần tiếp tục giao cháu Võ Thanh T1 cho chị C trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] - Về tài sản chung: Anh T không có yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] - Về án phí: Buộc anh T phải nộp 300.000 đồng. Ghi nhận anh đã dự nộp án phí số tiền 300.000 đồng sẽ được chuyển thu toàn bộ án phí.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa ngày hôm nay là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Võ Thanh T và chị Lê Thị Ngọc C là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Võ Thanh T1, sinh ngày 22/4/2012 cho chị Lê Thị Ngọc C trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu T1 nhưng anh có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Võ Thanh T phải nộp 300.000 đồng. Ghi nhận anh đã dự nộp án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002612, ngày 11/6/2019 sẽ được chuyển thu toàn bộ án phí.

Án xử sơ thẩm hôn nhân và gia đình công khai. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- CCTHADS huyện Hồng Dân ;
- UBND xã N1;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi